

Bản án số: **44/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 12-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Bê
2. Ông Nguyễn Thanh Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 22-5-2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1978 (*có mặt*)

HKTT: Ấp Đ, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, tạm trú: ấp T, xã B, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0329.....

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn P**, sinh năm 1968 (*vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 0911.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/4/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:*

Bà và ông Lê Văn P chung sống với nhau năm 1995 đến nay không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng hơn 20 năm thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà chủ yếu xuất phát từ kinh tế của gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được do đó vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ năm 2018 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn H, sinh năm 1997 và Lê Hậu E, sinh ngày 25/10/2001.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung;

Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Lê Văn P;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Đối với Lê Văn H, sinh năm 1997 đã có gia đình riêng cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với Lê Hậu E giao cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 11/8/2019, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/8/2019 bị đơn ông Lê Văn P trình bày:* Ông và bà Huỳnh Thị H chung sống với nhau năm 1995 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn H, sinh năm 1997 và Lê Hậu E, sinh ngày 25/10/2001.

Về tài sản và nợ: Không có

Nay ông có ý kiến đối với yêu cầu của bà H như sau:

1. Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị H

2. Về con: Đồng ý tiếp tục nuôi con chung Lê Hậu E, sinh ngày 25/10/2001, không yêu cầu bà H cấp dưỡng; còn Lê Văn H, sinh năm 1997 đã đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản, nợ: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Lê Văn P vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn Huỳnh Thị H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông Lê Văn P trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị H và ông Lê Văn P; về quan hệ nuôi con chung: Giao Lê Hậu E, sinh ngày 25/10/2001 là con chung của hai người cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con cùng ông P, còn Lê Văn H, sinh năm 1997 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, yêu cầu gì nên không xem xét; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn ông Lê Văn P biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H. Nhưng bị đơn ông P không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông P, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông P vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *“Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt”*.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông P (đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử), nhưng ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời tại phiên tòa, nguyên đơn bà H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H và ông Lê Văn P chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền (UBND xã). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01-01-2001), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có nhiều văn bản quy định, hướng dẫn việc đăng ký kết hôn đối với những trường hợp như ông, bà trong thời gian hai năm (*từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003*) nhưng ông, bà vẫn không thực hiện. Cho đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01-01-2015) và thực tế từ khi có đơn yêu cầu xin ly hôn của bà H và cho đến nay ông, bà vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, nay bà H có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Theo bà H và ý kiến bằng văn bản của ông P thể hiện, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn H, sinh năm 1997 và Lê Hậu E, sinh ngày 25/10/2001, sau khi vợ chồng ly hôn giao con Lê Hậu E, sinh ngày 25/10/2001 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con cùng ông P và cháu Lê Hậu E cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (bà H, ông P) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với ông P; đối với Lê Văn H, sinh năm 1997 đã trưởng thành, tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, còn ông P tuy vắng mặt nhưng cũng không thể hiện ý kiến gì thay đổi lời trình bày của ông. Vì vậy, cần giao cháu Lê Hậu E, sinh ngày 25/10/2001 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Hậu E và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; còn cháu Lê Văn H, sinh năm 1997 các đương sự xác định đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được không tranh chấp, yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không thể hiện ý kiến yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn bà H và bị đơn ông P cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị H và ông Lê Văn P.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Lê Hậu E, sinh ngày 25/10/2001 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Lê Hậu E*), bà H không cấp dưỡng nuôi con cùng ông P sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006278 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh